



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

**PETROSETCO**



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

**PETROSETCO**

12 AB Thanh Đa, Phường 27, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 5566 186 • Fax: (84.8) 5566 027  
Email: [info@petrosetco.com.vn](mailto:info@petrosetco.com.vn) • [www.petrosetco.com.vn](http://www.petrosetco.com.vn)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2007

PETROSETCO

## mục lục

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ	6
SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC	8
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
BAN ĐIỀU HÀNH	10
BAN KIỂM SOÁT	11
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH 2007	12
TÌNH HÌNH NHÂN SỰ 2007	18
KẾ HOẠCH 2008	22
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	27
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	28
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	30
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	30
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	32

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ Đông,

Hoạt động kinh doanh năm 2007 của Tổng Công Ty CP Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí - Petrosetco có bước đột phá vượt bậc trong kinh doanh, doanh thu đạt 2.484 tỷ, tăng 235% so với năm 2006, lợi nhuận đạt 50,7 tỷ đồng tăng 749% so với năm 2006. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ đạt 19,14%, thu nhập và đời sống của cán bộ công nhân viên được cải thiện một bước đáng kể.

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh, các dự án trọng điểm lớn vẫn tiếp tục được triển khai. Dự án cao ốc căn hộ cao cấp Petrosetco Tower cao 39 tầng có tổng diện tích mặt sàn 200.000 m<sup>2</sup> sẽ được phê duyệt quy hoạch kiến trúc trong thời gian gần, công trình Petrosetco Tower sẽ là một điểm nhấn kiến trúc của thành phố bên sông Sài Gòn. Các dự án xây dựng nhà máy Bio-ethanol đang vào trong giai đoạn cuối hoàn thành nghiên cứu khả thi.

Năm 2007 đánh dấu bước trưởng thành của Petrosetco về mặt tổ chức, phát triển hệ thống kinh doanh thông qua việc xây dựng các công ty con, các công ty TNHH 1 thành viên trực thuộc Petrosetco. Tính đến hôm nay các công ty thành viên đã hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh, bắt đầu hoạt động với tư cách là các công ty độc lập trong chiến lược phát triển tổng thể của Petrosetco. Đặc biệt ngày 3 tháng 10, Petrosetco chính thức đổi tên từ Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Dầu Khí thành Tổng Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí.

Tiếp nối thành công trong năm 2007, Petrosetco bước sang năm mới 2008 trên nền tảng vững vàng với khí thế thắng lợi nhân đôi. Petrosetco sẽ tăng cường đầu tư năng lực quản lý để nâng cao chất lượng chỉ đạo, kiểm soát và hỗ trợ của Tổng Công Ty trong khi mở rộng trao quyền độc lập kinh doanh cho các công ty con. Trong năm 2008, dịch vụ phân phối và thương mại vẫn tiếp tục đóng vai trò then chốt tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cho Petrosetco. Mặt khác, Petrosetco sẽ đầu tư nguồn lực tối đa để tăng tốc triển khai các dự án trọng điểm đang trong giai đoạn nước rút hiện nay. Khi bước vào hoạt động, các dự án này sẽ làm thay đổi căn bản vị thế và thương hiệu của Petrosetco.

Thay mặt ban lãnh đạo Petrosetco tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và hỗ trợ của Quý Vị Cổ Đông và các Nhà Đầu Tư đã dành cho chúng tôi trong năm qua và cam kết sẽ tiếp tục truyền thống đoàn kết và lao động hết mình để đưa Petrosetco đến thành công lớn hơn trong năm 2008.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Công Tào

# GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ PETROSETCO



**TÊN CÔNG TY:** Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí

**TÊN GIAO DỊCH QUỐC TẾ:** Petrovietnam General Services Joint Stock Corporation

**TÊN VIẾT TẮT:** Petrosetco

## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT:

- Tháng 06/1996 Công ty Dịch vụ - Du lịch Dầu khí được thành lập theo Quyết định số 284/BT của Bộ trưởng, chủ nhiệm văn phòng Chính phủ.
- Tháng 07/1997 sáp nhập một số đơn vị trong ngành làm dịch vụ sinh hoạt, đời sống và du lịch phục vụ các hoạt động dầu khí; giai đoạn này cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm: Văn phòng Công ty, Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Biển, Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu, Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu, Chi nhánh tại Hà Nội.
- Tháng 02/1998: Thành lập Liên doanh Petro Sông Trà.
- Tháng 11/2000: Thành lập Chi nhánh công ty tại Quảng Ngãi.
- Tháng 10/2001: Thành lập xí nghiệp Dịch vụ - thương mại Dầu khí.
- Tháng 05/2002: Thành lập Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn.
- Tháng 04/2006: Thành lập Nhà máy sản xuất bình khí PetroVietnam.
- Tháng 09/2006: Chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần.
- Tháng 12/2006: Mua lại phần vốn góp của Công ty Du lịch Quảng Ngãi trong Liên doanh Petro Sông Trà.
- Tháng 04/2007: Thành lập Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí.
- Tháng 09/2007: Cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.
- Tháng 10/2007: Ra mắt Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí.
- Tháng 12/2007: Thành lập các công ty TNHH 1 thành viên, chuyển đổi hoạt động theo mô hình công ty mẹ-con.  
Thành lập Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu trên cơ sở sáp nhập 03 đơn vị trực thuộc:
  - Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Biển.
  - Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu.
  - Chi nhánh Tổng Công ty tại Vũng Tàu.Thành lập Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Quảng Ngãi trên cơ sở sáp nhập 02 đơn vị trực thuộc:
  - Khách sạn PetroVietnam – Sông Trà.
  - Chi nhánh Tổng Công ty tại Quảng Ngãi.Thành lập Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí trên cơ sở sáp nhập 02 đơn vị trực thuộc:
  - Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn.
  - Xí nghiệp Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ Lữ hành.Thành lập Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí trên cơ sở kế thừa Chi nhánh – Xí nghiệp Dịch vụ Thương mại Dầu khí.  
Thành lập Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí trên cơ sở kế thừa Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí.

## CÁC MẢNG KINH DOANH CHÍNH

### 1. DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ PHÂN PHỐI

- Bao gồm các hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại nội địa các mặt hàng nông sản, máy móc thiết bị công nghiệp, phương tiện vận chuyển, phân bón, xăng dầu.
- Tháng 5/2007, Tổng Công ty đã trở thành nhà phân phối sản phẩm điện thoại nhãn hiệu Nokia và trở thành 1 trong 2 nhà phân phối lớn nhất của Nokia tại thị trường Việt Nam.

### 2. DỊCH VỤ DẦU KHÍ

- Cung cấp dịch vụ dầu khí cho các khách hàng truyền thống, chủ yếu là Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro, các nhà thầu dầu khí nước ngoài như Transocean Sedco Forex, BP, Doosan, Technip, Petroconsult... và hướng tới các khách hàng tại khu kinh tế Dung Quất.

### 3. SẢN XUẤT BÌNH KHÍ

- Nhà máy Sản xuất Bình khí của Petrosetco có công suất thiết kế 300.000 sản phẩm/ca/năm với dây chuyền công nghệ đồng bộ, hiện đại, các thiết bị chính được sản xuất tại các nước G7, toàn bộ sản phẩm do nhà máy sản xuất đều đạt tiêu chuẩn DOT - 4BA, DOT - 4BW của Mỹ và tiêu chuẩn TCVN 6292:1997 của Việt Nam
- Đến thời điểm hiện nay, Petrosetco là nhà sản xuất và cung cấp sản phẩm vỏ bình khí lớn nhất cả nước, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn và được nhiều khách hàng tin nhiệm. Với nỗ lực trong công tác tiếp thị, khai thác thị trường và chính sách chất lượng đúng đắn, đến nay Công ty đã ký được hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các khách hàng lớn như PV Gas South; Vinagas; Vimexco; Gia Dinh Gas; Vinashin...

### 4. SẢN XUẤT NHIÊN LIỆU SINH HỌC

- Petrosetco hướng tới việc trở thành nhà sản xuất Nhiên liệu sinh học lớn nhất Việt Nam bằng công nghệ hiện đại. Hiện tại Petrosetco đang trong giai đoạn phối hợp với các đối tác có kinh nghiệm để gấp rút triển khai dự án.

### 5. KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

- Với quỹ đất hiện có và quyết tâm cao của Ban lãnh đạo, Petrosetco hướng tới việc xây dựng thương hiệu kinh doanh bất động sản có uy tín trên thị trường. Tháng 3/2008 Công ty kinh doanh Bất động sản đã được thành lập với đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm và rất năng động, quyết tâm xây dựng công ty phát triển bền vững.

# SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC

## TỔNG CÔNG TY PETROSETCO



# BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ

## TỔNG CÔNG TY PETROSETCO

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**1. ÔNG TRẦN CÔNG TÀO**  
 Chủ tịch HĐQT  
 Tiến sĩ khoa học địa lý địa chất



**2. ÔNG NGUYỄN HỮU THÀNH**  
 Thành viên HĐQT  
 Thạc sĩ quản trị kinh doanh



**4. ÔNG ĐẶNG XUÂN THỌ**  
 Thành viên HĐQT  
 Thạc sĩ quản trị kinh doanh, AITCV 2006



**3. ÔNG HỒ SỸ LONG**  
 Thành viên HĐQT  
 Kỹ sư chế tạo máy LHD dầu khí



**5. ÔNG NGUYỄN XUÂN SƠN**  
 Thành viên HĐQT  
 Cử nhân kinh tế dầu tại Liên Xô (cũ)

**BAN ĐIỀU HÀNH**



**1. ÔNG NGUYỄN HỮU THÀNH**  
Tổng Giám Đốc  
Thạc sĩ quản trị kinh doanh



**2. ÔNG HỒ SỸ LONG**  
Phó Tổng Giám Đốc  
Kỹ sư chế tạo máy LHD dầu khí



**4. ÔNG NGUYỄN SỸ ĐÀM**  
Phó Tổng Giám Đốc  
Kỹ sư xây dựng



**3. ÔNG PHẠM ANH TUẤN**  
Phó Tổng Giám Đốc  
Thạc sĩ kinh tế - đại học Havard



**5. ÔNG LÊ KHIÊM**  
Kế toán trưởng  
Cử nhân tài chính - kế toán

**BAN KIỂM SOÁT**



**1. BÀ NGUYỄN THUY HỒNG THẢO**  
Trưởng Ban Kiểm Soát  
Cử nhân quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế, Cử nhân Anh Văn



**2. BÀ NGUYỄN LỆ THỦY**  
Thành viên Ban Kiểm Soát  
Cử nhân ngân hàng



**3. ÔNG HOÀNG ĐĂNG ÁNH**  
Thành viên Ban Kiểm Soát  
Cử nhân tài chính - kế toán

## TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2007



Năm 2007 là năm bản lề đánh dấu bước đột phá về nhiều mặt của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí sau khi chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Song song với cơ cấu tổ chức quản lý được đổi mới và hoàn thiện theo hướng tích cực, hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tổng Công ty bước đầu đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ, các chỉ tiêu tài chính cơ bản đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch năm 2007 và có tốc độ tăng trưởng cao so với năm 2006.

*Thuận lợi:*

- Luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị trong ngành.
- Hoạt động theo mô hình Tổng Công ty Cổ phần, cơ cấu tổ chức quản lý được đổi mới và hoàn thiện theo hướng tích cực, chủ động hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.
- Sự quyết tâm của Ban lãnh đạo Tổng Công ty cũng như toàn thể CBCNV để khẳng định thương hiệu Petrosetco trên thị trường.

*Khó khăn:*

- Nhu cầu sử dụng dịch vụ dầu khí của khách hàng lớn nhất là Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro giảm mạnh, trong khi việc tiếp thị tới các khách hàng mới còn nhiều khó khăn;
- Sự cạnh tranh với các nhà cung cấp dịch vụ trong và ngoài ngành ngày càng gay gắt, yêu cầu về chất lượng dịch vụ cao;
- Giá cả nguyên vật liệu đầu vào trong hoạt động cung cấp dịch vụ đời sống cũng như trong sản xuất tăng cao;
- Tiến độ triển khai các dự án trọng điểm còn chậm do tính phức tạp trong các thủ tục hành chính, sự thiếu hụt các cán bộ có chuyên môn về kinh tế, kỹ thuật cũng như công nghệ;
- Lực lượng lao động có tuổi đời cao, chuyên môn thấp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số lao động, lao động dư thừa lớn.

*Các chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:*

- Doanh thu đạt 2.484 tỷ đồng, bằng 119% kế hoạch năm, bằng 335% so với thực hiện năm 2006.
- Lợi nhuận sau thuế đạt xấp xỉ 51 tỷ đồng, bằng 159% kế hoạch năm, bằng 849% so với thực hiện năm 2006.
- Nộp Ngân sách nhà nước đạt 218 tỷ đồng, bằng 145% kế hoạch năm, bằng 742% so với thực hiện năm 2006.
- Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn điều lệ bình quân đạt 19,14%, bằng 154% kế hoạch, bằng 818% so với thực hiện năm 2006.
- Lãi trên cổ phiếu EPS: 1.914 đồng.
- Thu nhập bình quân đầu người thực hiện đạt 3,73 triệu đồng/người/tháng, bằng 110% kế hoạch năm, bằng 124% so với thực hiện năm 2006.

*(Số liệu thực hiện tính từ 01/01/2007 đến 31/12/2007 đã được Công ty Deloitte kiểm toán).*

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

### 1. DỊCH VỤ DẦU KHÍ

Doanh thu đạt 168 tỷ đồng, bằng 105% kế hoạch năm, bằng 115% so với năm 2006. Lợi nhuận đạt 10,4 tỷ đồng, bằng 138% kế hoạch năm, tăng 59% so với năm 2006.

Kinh doanh dịch vụ dầu khí qua các năm đều tương đối ổn định. Bên cạnh các hợp đồng dịch vụ cho khách hàng truyền thống như Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro, Phú Mỹ 3 BOT, BP Pipelines và các nhà thầu dầu khí nước ngoài như Transocean Sedco Forex, Technip, Doosan..., Tổng Công ty tiếp tục tiếp cận các khách hàng mới và nhằm mở rộng khai thác thị trường cung cấp dịch vụ đời sống trên bờ tại các khu công nghiệp dầu khí tại Dung Quất, Phú Mỹ, Cà Mau, Dinh Cố...

Tổng Công ty cũng không ngừng nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, tiết kiệm chi phí, áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 đồng thời gấp rút triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP và hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000 để nâng cao khả năng cạnh tranh và phát triển thị trường trong những năm tiếp theo.

Nhìn chung, kết quả kinh doanh dịch vụ dầu khí mặc dù chiếm tỷ trọng không cao trong cơ cấu toàn công ty nhưng có hiệu quả kinh tế khá ổn định, đồng thời ổn định việc làm cho gần 1.000 lao động trong ngành dầu khí. Do vậy, Tổng Công ty xác định đây vẫn là mảng kinh doanh sẽ được tiếp tục duy trì trong thời gian tới.

### 2. DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ PHÂN PHỐI

Kinh doanh dịch vụ thương mại và phân phối đã tạo ra sự thay đổi to lớn trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm 2007.

Với chỉ tiêu doanh thu đạt 2.248 tỷ đồng, bằng 123% kế hoạch năm, tăng 280% so với năm 2006; lợi nhuận đạt 40,6 tỷ đồng, bằng 183% kế hoạch năm, tăng hơn 15 lần so với thực hiện năm 2006, mảng kinh doanh thương mại đã đóng góp 91% doanh thu, 80% lợi nhuận toàn Tổng Công ty.

*Các nét nổi bật trong kinh doanh thương mại và phân phối:*

- Năm 2007, Tổng Công ty chính thức trở thành Tổng đại lý phân phối phân đạm của Công ty Phân đạm và hóa chất dầu khí, thực hiện phân phối được hơn 110.000 tấn phân đạm, hoàn thành vượt mức kế hoạch tiêu thụ cho đối tác trong năm 2007.

- Tháng 5/2007: Tổng Công ty bắt đầu triển khai phân phối điện thoại Nokia. Tuy mới đi vào hoạt động nhưng mảng kinh doanh này đã và đang đạt được những kết quả to lớn, tạo ra bước chuyển biến mạnh mẽ về doanh thu cũng như lợi nhuận, đồng thời góp phần khẳng định thương hiệu Petrosetco trên thị trường.

Đến hết năm 2007, phân phối điện thoại di động Nokia đạt trên 1.000.000 chiếc; doanh thu thực hiện đạt 1.330 tỷ đồng; lợi nhuận đạt hơn 36 tỷ đồng (chiếm 59% doanh thu và 90% lợi nhuận mảng kinh doanh thương mại và phân phối); chiếm 35% thị phần về cung cấp điện thoại di động Nokia, đứng vị trí thứ 2 tại thị trường Việt Nam.

### 3. DỊCH VỤ SẢN XUẤT BÌNH KHÍ

Nhà máy Sản xuất Bình khí Petrovietnam có công suất thiết kế 300.000 sản phẩm/ca/năm với dây chuyền công nghệ đồng bộ, hiện đại, các thiết bị chính được sản xuất tại các nước G7. Với chính sách ưu tiên hàng đầu cho chất lượng, lấy chất lượng làm yếu tố cạnh tranh, toàn bộ sản phẩm do nhà máy sản xuất đều đạt tiêu chuẩn DOT - 4BA, DOT - 4BW của Mỹ và tiêu chuẩn TCVN 6292:1997 của Việt Nam. Năm 2007 là năm đầu tiên nhà máy đi vào hoạt động một cách đồng bộ. Tuy còn nhiều khó khăn nhưng bước đầu đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Đến thời điểm hiện nay, Tổng Công ty là nhà sản xuất và cung cấp sản phẩm vỏ bình khí lớn nhất cả nước, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn và được nhiều khách hàng tin nhiệm.

Với nỗ lực trong công tác tiếp thị, khai thác thị trường và chính sách chất lượng đúng đắn, đến nay Công ty đã ký được hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các khách hàng lớn như PV Gas South; Vinagas; Vimexco; Gia Dinh Gas; Vinashin ... Hiện nay, nhà máy luôn phải sản xuất 2 ca liên tục mới đáp ứng được tiến độ giao hàng cho những hợp đồng đã ký kết.



## TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2007

### 1. CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN

#### DỰ ÁN TRUNG TÂM DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI

Dự án Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi được xây dựng tại số 01 An Dương Vương, Thành phố Quảng Ngãi.

Quy mô công trình như sau:

- Loại công trình : dân dụng
- Cấp công trình : cấp 2
- Diện tích xây dựng : 1.033 m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn xây dựng : 9.770 m<sup>2</sup>.
- Chiều cao công trình : 44,5 m.
- Số tầng : 10 tầng (không kể tầng hầm, tầng lửng và tầng kỹ thuật).

- Quy mô công trình:

+ Khối nhà chính: Văn phòng cho thuê 570 m<sup>2</sup>; 1 phòng hội nghị 300 chỗ; 01 phòng hội nghị 50 chỗ; nhà hàng 600 m<sup>2</sup>; 70 phòng ngủ 3 sao (28m<sup>2</sup>/phòng); 12 phòng ngủ hạng VIP (50m<sup>2</sup>/phòng); 01 phòng làm việc của lãnh đạo cấp cao (80m<sup>2</sup>/phòng).

+ Các hạng mục phụ trợ: Nhà bảo vệ 9m<sup>2</sup>; nhà xe nhân viên 70m<sup>2</sup>; sân vườn, đường nội bộ, bãi xe 1000m<sup>2</sup>; trạm biểp áp và máy phát điện dự phòng cho công trình.

Ngày 25/12/2007, Tổng Công ty đã khởi công xây dựng công trình. Đến thời điểm hiện nay, công trình đã hoàn thành việc thi công hạng mục móng và chuyển sang thi công phần thân công trình và các hạng mục phụ trợ. Theo kế hoạch thi công trình sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng trong quý 4/2008.

#### CÁC DỰ ÁN KHÁC

*Dự án PetroSetco Tower tại Thanh Đa (TP Hồ Chí Minh):* Đã và đang thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư và đang chờ Sở quy hoạch kiến trúc Thành phố chấp thuận các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc của dự án.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng đã nghiên cứu các phương án kinh doanh tại các khu đất Tổng Công ty đang quản lý tại Vũng Tàu.

### 2. CÁC DỰ ÁN NHIÊN LIỆU SINH HỌC

Trong năm 2007, Tổng Công ty đã tiến hành nghiên cứu thị trường nguyên liệu, lựa chọn địa điểm xây dựng nhà máy, đối tác, chuẩn bị các thủ tục đầu tư và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi cho Dự án Nhà máy Bio-Ethanol tại Phú Mỹ và dự án Nhà máy Bio-Ethanol tại Miền Trung.



## CÁC CÔNG TÁC KHÁC

### 1. CÔNG TÁC ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP VÀ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

#### Công tác đổi mới doanh nghiệp

- Tháng 10/2007: Tổng Công ty đã hoàn thành thủ tục pháp lý về việc chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí.
- Tháng 12/2007: Sáp nhập các đơn vị và thành lập các Công ty TNHH Một thành viên. Đến nay Tổng Công ty đã hoàn thành xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý, điều lệ hoạt động, các quy chế quản lý nội bộ, hoàn tất thủ tục đăng kí kinh doanh, xác định và giao vốn cho các Công ty thành viên.

#### Công tác niêm yết cổ phiếu

- Ngày 12/09/2007: hoàn thành công tác niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, chính thức giao dịch cổ phiếu PET.
- Ngày 12/09/2007: Tổng công ty đã được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận cho phát hành thêm 30.000.000 cổ phiếu. Tổng Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu đợt 1 cho cổ đông hiện hữu.
- Ngày 17/01/2008: Sở giao dịch CK TP.HCM chấp thuận niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm đợt 1.

### 2. CÔNG TÁC KẾ HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN KINH DOANH

- Công tác xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2007 của Tổng Công ty đạt kết quả cao.
- Tổng Công ty cũng đã hoàn thành lập chiến lược phát triển Tổng Công ty đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025
- Thực hiện tốt công tác hướng dẫn xây dựng và lập kế hoạch năm 2008 cho các Công ty con.
- Về công tác phát triển kinh doanh: đã và đang tập trung vào các dự án mới như: Các dự án sản xuất Bio-Ethanol, Bio-Diesel và các dự án bất động sản.

### 3. CÔNG TÁC LAO ĐỘNG, ĐÀO TẠO VÀ TIỀN LƯƠNG

- Sắp xếp, ổn định tổ chức, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý phù hợp với Điều lệ và chiến lược của Tổng Công ty cổ phần.
- Đến 31/12/2007, Tổng số lao động toàn Tổng Công ty là 1.365 người.
- Thu nhập bình quân đạt 3.731.000 đồng/người/tháng.
- Tuyển dụng: Tổng số CBNV tuyển mới năm 2007 là 282 người. Trong đó:
  - + 06 thạc sỹ (01 người nước ngoài, 04 thạc sỹ đào tạo tại các trường danh tiếng của Mỹ – Havard, Standford, Okalahama, 02 thạc sỹ đào tạo trong nước).
  - + 54 Cử nhân, kỹ sư tốt nghiệp từ các trường đại học trong và ngoài nước.
  - + 222 CNKT, lao động khác phục vụ cho các mảng kinh doanh mở rộng.

### 4. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

- Năm 2007 doanh thu của Tổng Công ty có bước tăng trưởng vượt bậc so với các năm trước, để đảm bảo đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu kinh doanh, ngoài việc tăng vốn điều lệ, Tổng Công ty chủ động làm việc với Tập đoàn, các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng thực hiện việc vay vốn đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh của Công ty. Tổng hạn mức tín dụng được các ngân hàng và định chế tài chính cho phép sử dụng hiện nay của Tổng Công ty là 850 tỷ đồng.
- Hoàn thành việc xác định vốn điều lệ và cấp vốn cho các Công ty con khi tiến hành chuyển đổi mô hình hoạt động.
- Trực tiếp soạn thảo Quy chế tài chính, quy chế kiểm toán nội bộ của Tổng công ty, phối hợp với các Phòng ban soạn thảo các quy chế hoạt động cho các công ty con khi chuyển đổi.
- Hoàn thành báo cáo tài chính quý, năm đúng thời hạn để phục vụ việc cung cấp thông tin cho các cổ đông.
- Hoàn thành việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2007 theo đúng thời hạn quy định.

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Trong năm 2007, với chiến lược phát triển đúng đắn, đoàn kết nội bộ, cố gắng phấn đấu của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong Tổng Công ty Petrosetco cùng với sự hỗ trợ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Petrosetco đã đạt được những thành quả đáng khích lệ: Tăng doanh thu, lợi nhuận, thu nhập cho cán bộ công nhân viên, tăng nộp Ngân sách nhà nước đồng thời nâng cao thương hiệu Petrosetco trên thị trường. Bên cạnh đó, Petrosetco cũng nhận thấy một số tồn tại cần khắc phục như:

- Tiến độ triển khai các dự án còn chậm.
- Thiếu cán bộ và lao động có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm.

## BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2007

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2006	KẾ HOẠCH 2007	THỰC HIỆN 2007 (4)	TỶ LỆ (%)	
		1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Tổng doanh thu	740.549	2.089.696	2.484.088	335	119
2	Giá vốn hàng bán	667.613	1.882.360	2.270.389	340	121
3	Chi phí bán hàng	67.716	166.063	101.909	150	61
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	8.294	31.809	50.702	611	159
5	Thuế thu nhập DN	2.322	-	-	-	-
6	Tổng lợi nhuận sau thuế	5.972	31.809	50.702	849	159
7	Nộp NSNN	29.383	150.000	218.000	742	145
8	Vốn điều lệ	255.300	255.300	482.535	189	189
9	Vốn điều lệ bình quân*	255.300	255.300	264.863	104	104
10	Tỷ suất LNST/VDL	2,34%	12,46%	10,51%	449	84
11	Tỷ suất LNST/VDL bình quân	2,34%	12,46%	19,14%	818	154
12	Thu nhập BQ/người	3,02	3,40	3,73	124	110

\* Ghi chú:

+ Từ tháng 12/2007, Tổng Công ty tăng vốn điều lệ từ 255,3 tỷ đồng lên 482,5 tỷ đồng.

+ Số liệu đã được Công ty Deloitte kiểm toán, tách riêng kết quả kinh doanh năm 2007.

## TÌNH HÌNH NHÂN SỰ 2007



### SỰ KIỆN VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRONG NĂM

- Tháng 01/2007 Petrosetco mua lại 30% cổ phần của Công Ty Du Lịch Quảng Ngãi trong liên doanh Sông - Trà. Quy mô Chi nhánh Quảng Ngãi được mở rộng, số CBNV tăng lên 150 người.
- Tháng 04/2007 Petrosetco thành lập CN - Xí Nghiệp Viễn Thông Dầu Khí nay là Công Ty TNHH 1.TV Dịch Vụ Phân Phối Dầu Khí.
- Ngày 15/05/2007, Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam (cổ đông chi phối) đã có nghị quyết chuyển đổi Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ - Du Lịch Dầu Khí thành Tổng Công Ty hoạt động theo mô hình công ty "mẹ - con" nhằm xây dựng mô hình tổ chức phù hợp với chiến lược phát triển của Petrosetco
- Kể từ 15/05/2007 Petrosetco bước vào giai đoạn tái cấu trúc chuyển đổi Công Ty thành Tổng Công Ty mẹ - con, các Chi nhánh phụ thuộc chuyển thành Công Ty TNHH 1.T.V hoạt động độc lập.
- Ngày 16/09/2007 Tổng Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí chính thức hoạt động trên cơ sở chuyển đổi từ Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí.

Với sự lãnh đạo định hướng của Hội Đồng Quản trị, Đảng Ủy Tổng Công Ty, Ban Lãnh Đạo Tổng Công Ty Petrosetco đã tiến hành xây dựng lại cơ cấu tổ chức quản lý, điều lệ hoạt động và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty và các Công ty con đồng thời tiến hành các thủ tục bổ nhiệm cán bộ, huy động vốn điều lệ, giao vốn cho các Công ty con. Vì vậy kể từ 01/01/2008, các đơn vị thành viên (công ty con) đã chính thức hoạt động với tên và mô hình quản lý mới.

### BÁO CÁO THÙ LAO, LƯƠNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2007

- Tổng tiền lương của thành viên HĐQT chuyên trách (Chủ tịch HĐQT), thù lao các thành viên HĐQT không chuyên trách (4 thành viên), thù lao các phiên họp, chi phí hoạt động điều hành năm 2007: 692.191.600 đồng.
- Tổng tiền lương của thành viên BKS chuyên trách (1 thành viên), thù lao thành viên BKS không chuyên trách (2 thành viên), thù lao các phiên họp và chi phí hoạt động năm 2007: 289.381.900 đồng.
- Tổng cộng: 981.573.500 đồng tương ứng 1,89% lợi nhuận thực hiện năm 2007.

## TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TRONG TOÀN TỔNG CÔNG TY

Tổng số CBNV tính đến 31/12/2007 của Petrosetco là: 1.365 người, trong đó:

### THEO TRÌNH ĐỘ

TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG (NGƯỜI)	TỶ LỆ (%)
1. Trên Đại học	12	0,88
2. Đại học	211	15,46
3. Cao đẳng & Trung cấp	181	13,26
4. CNKT	648	47,47
5. Lao động phổ thông	313	22,93
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.365</b>	<b>100</b>

### THEO ĐƠN VỊ SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG (NGƯỜI)	TỶ LỆ (%)
1. CN – XN Dịch vụ Dầu khí Biển	481	35,24
2. CN – XN Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	313	22,93
3. CN – XN Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn	54	3,96
4. CN – XN Cung ứng Nhân lực & DVLH	10	0,73
5. CN – XN Dịch vụ Thương mại DK	50	3,66
6. CN – XN Viễn thông Dầu khí	104	7,62
7. CN – NM Sản Xuất Bình khí PetroVietnam	165	12,09
8. CN Tổng Công Ty Petrosetco tại Vũng Tàu	09	0,66
9. CN Tổng Công Ty Petrosetco tại Quảng Ngãi	125	9,16
10. Văn phòng đại diện Petrosetco tại Hà Nội	04	0,29
11. Văn phòng Tổng Công Ty (gồm Dự án)	50	3,66
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.365</b>	<b>100</b>

## CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Thu nhập bình quân năm 2006: 3.015.000 đồng/người
- Thu nhập bình quân năm 2007: 3.731.000 đồng/người

### • TIỀN LƯƠNG TIỀN THƯỞNG:

- Áp dụng chính sách giao đơn giá tiền lương đối với từng loại hình kinh doanh theo lợi nhuận (doanh thu thuần – chi phí trước lương) nhằm khuyến khích các đơn vị tích cực tăng doanh thu, kiểm soát tốt chi phí để đảm bảo quỹ tiền lương gia tăng.
- Thực hiện trích lương khuyến khích (lương bổ sung) nếu đơn vị nào vượt chỉ tiêu kế hoạch giao.
- Xây dựng chính sách trả lương linh hoạt với thị trường lao động cho đơn vị mới: CN – XN Viễn Thông Dầu Khí và các Ban triển khai dự án. Chính vì vậy đã hỗ trợ tích cực cho công tác tuyển dụng và sử dụng lao động hiệu quả.

Vì vậy quỹ lương tăng 59%, thu nhập bình quân đầu người tăng 23,4 % do tăng, giảm lao động và tăng năng suất lao động, nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc tốc độ tăng lương nhỏ hơn tốc độ tăng năng suất (167%) và tốc độ tăng lợi nhuận (563%).

### • TUYỂN DỤNG:

- Petrosetco sử dụng nhiều phương pháp tìm kiếm ứng viên, Năm 2007 đã thu hút tuyển dụng được nhiều ứng viên xuất sắc. Tổng số CBNV tuyển mới năm 2007 là 282 người, trong đó có:
- 06 thạc sỹ (01 người nước ngoài ; 04 thạc sỹ đào tạo tại các trường danh tiếng của Mỹ – Havard, Stanford, Okalahama; 02 thạc sỹ đào tạo trong nước).
  - 54 Cử nhân, kỹ sư tốt nghiệp từ các trường đại học trong và ngoài nước.
  - 222 CNKT, lao động khác phục vụ cho các mảng kinh doanh mở rộng.

### • ĐÀO TẠO:

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, Tổng Công ty luôn chú trọng tới công tác đào tạo nguồn nhân lực trong nước và hoạt động ở nước ngoài, và có chính sách khuyến khích người lao động thường xuyên học tập, nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc sản xuất kinh doanh.

# KẾ HOẠCH NĂM 2008

## CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH VÀ NHIỆM VỤ NĂM 2008

### 1. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

#### KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2008

Doanh thu	: 4.100 tỷ đồng, bằng 165% so với thực hiện năm 2007.
Lợi nhuận	: 77,3 tỷ đồng, bằng 152% so với thực hiện năm 2007.
Vốn điều lệ	: 555,3 tỷ đồng, tăng 15% so với thực hiện năm 2007.
Tỷ suất LN/Vốn	: 14%, bằng 132% so với thực hiện năm 2007.
Nộp NSNN	: 200 tỷ đồng, bằng 92% so với thực hiện năm 2007.
Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn	: 10%.

#### KẾ HOẠCH CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH NĂM 2008

Năm 2008, Tổng Công ty xác định tiếp tục duy trì và phát huy thành quả năm 2007 của các mảng kinh doanh chủ lực đồng thời tìm kiếm cơ hội phát triển các mảng kinh doanh mới có hiệu quả cao. Cụ thể:

##### MẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ:

- Giữ vững thị trường hiện có, đẩy mạnh công tác tiếp thị, mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ đời sống trên bờ.
- Kế hoạch doanh thu là 185 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 11,2 tỷ đồng.

##### KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ PHÂN PHỐI HÀNG HÓA:

Trong năm 2008, mảng này vẫn tiếp tục giữ vai trò quan trọng, đóng góp phần lớn trong kết quả kinh doanh của Tổng Công ty. Bên cạnh các loại hình kinh doanh hiện hữu, Tổng Công ty sẽ đẩy mạnh nghiên cứu phát triển các loại hình kinh doanh mới.

- Nâng tỷ lệ thị phần phân phối điện thoại di động Nokia lên tối thiểu 40% với sản lượng phân phối là 2.000.000 máy, doanh thu Nokia đạt 2.640 tỷ đồng.
- Tiêu thụ 100.000 tấn phân bón, doanh thu đạt trên 500 tỷ đồng.
- Kinh doanh nông sản đạt 150.000 tấn, doanh thu đạt 500 tỷ đồng.
- Tập trung cho công tác xây dựng hệ thống thu mua nông sản làm nguyên liệu đầu vào cho nhà máy sản xuất ethanol.
- Kế hoạch doanh thu năm 2008 đạt 3.795 tỷ đồng, lợi nhuận đạt xấp xỉ 64 tỷ đồng.

##### SẢN XUẤT:

- Trước những biến động của thị trường giá cả nguyên vật liệu đầu vào như hiện nay, Tổng Công ty xác định nâng cao chất lượng tổ chức quản lý, tiết kiệm triệt để, Phát huy sáng kiến cải tiến, hợp lý hóa các công đoạn sản xuất nhằm nâng cao công suất hoạt động của dây chuyền;
- Nghiên cứu phương án đa dạng hóa sản phẩm của nhà máy dựa trên dây chuyền công nghệ hiện có tiến tới mở rộng quy mô nhà máy.

### 2. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM NĂM 2008

#### 1. CÁC DỰ ÁN BẮT ĐẦU SẢN:

##### DỰ ÁN PETROSETCO TOWER TẠI THANH ĐÀ (TP HỒ CHÍ MINH)

Dự án Cao ốc Petrosetco được xây dựng tại số 12 AB Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh. Quy mô công trình dự kiến như sau:

- Diện tích khu đất xây dựng : 20.894 m<sup>2</sup>.
- Diện tích xây dựng : 6.200 m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn xây dựng : 190.000 m<sup>2</sup>.
- Mật độ xây dựng : 40%.
- Hệ số sử dụng đất : 14
- Số tầng cao : 39 tầng.
- Số căn hộ : 680 căn.
- Chức năng công trình : Căn hộ cao cấp, văn phòng, khu thương mại, dịch vụ.

Sau khi thỏa thuận quy hoạch kiến trúc được Sở quy hoạch kiến trúc thành phố thông qua, Tổng Công ty sẽ tiến hành lập dự án đầu tư xây dựng công trình và triển khai hồ sơ thiết kế, phấn đấu khởi công xây dựng công trình vào năm 2009.



### **DỰ ÁN XÂY DỰNG TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẦU KHÍ TẠI DUNG QUẤT - QUẢNG NGÃI:**

Công trình dự kiến được triển khai xây dựng trên khu đất 2 ha tại Khu Kinh tế Dung Quất. Mục tiêu đầu tư cho dự án là khu dịch vụ đa chức năng gồm: căn hộ và văn phòng cho thuê kết hợp với khu dịch vụ khách sạn, nhà hàng, thương mại. Hiện nay, Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư để phần đầu khởi công công trình vào đầu năm 2009.

### **CÁC DỰ ÁN TẠI VŨNG TÀU:**

Tổng Công ty đang trong giai đoạn hoàn tất thủ tục cấp chủ quyền và tiến hành triển khai các thủ tục đầu tư cho các dự án trên 4 khu đất tại Vũng Tàu. Bao gồm:

#### **Khu đất tại địa chỉ số 12 Trương Công Định, Phường 2.**

Diện tích sau khi trừ lộ giới mở đường: 683 m<sup>2</sup>

Phương án đầu tư: Liên kết với chủ các khu đất liền kề để xây dựng chung cư cao cấp 16 tầng để bán và cho thuê.

Quy mô công trình dự kiến như sau:

- Diện tích khu đất xây dựng : 1.600 m<sup>2</sup>.
- Diện tích xây dựng : 938 m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn xây dựng : 15.500 m<sup>2</sup>.
- Mật độ xây dựng : 50%.
- Hệ số sử dụng đất : 10
- Số tầng cao : 16 tầng. Gồm 02 tháp nhà.
- Chức năng công trình : Căn hộ cao cấp, văn phòng, khu thương mại, dịch vụ.

Hiện nay Tổng Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý của dự án và lựa chọn đơn vị tư vấn lập dự án đầu tư và thiết kế sơ bộ.

#### **Khu đất tại địa chỉ số 1 Trần Khắc Chung, Phường 7.**

Diện tích: 1.906,5 m<sup>2</sup>

Phương án đầu tư: Xây dựng căn hộ trung và cao cấp 16 tầng.

Quy mô công trình dự kiến như sau:

- Loại công trình : dân dụng
- Cấp công trình : cấp 2
- Diện tích xây dựng : 1.811 m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn xây dựng : 19.500 m<sup>2</sup>.
- Chiều cao công trình : 56 m.
- Số tầng : 16 tầng (không kể tầng hầm và tầng kỹ thuật).
- Mật độ xây dựng : 52%.
- Số căn hộ : 130 căn

Hiện nay Tổng Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý của dự án và lựa chọn đơn vị tư vấn lập dự án đầu tư và thiết kế sơ bộ.

### **CÁC DỰ ÁN KHÁC:**

Hiện nay Tổng Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý cho khu đất và lập quy hoạch cho các dự án.

#### **Khu đất tại địa chỉ 37 Đường 30/4, Phường 9.**

Diện tích: khoảng hơn 6.300 m<sup>2</sup>

Phương án đầu tư: Xây dựng khu nhà ở, văn phòng để bán và cho thuê.

#### **Khu đất tại ngã tư đường 30/4 và đường Lê Quang Định, Phường Thắng Nhất.**

Diện tích: 3009,2 m<sup>2</sup>

Phương án đầu tư: Xây dựng khu nhà liền kề để bán.

#### **Khu đất tại Khu Chí Linh A đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất.**

Diện tích: 10.000 m<sup>2</sup>

Phương án đầu tư: Xây dựng khu nhà liền kề và chung cư để bán.

Song song với các dự án trên, hiện Tổng Công ty cũng đang xúc tiến nghiên cứu cơ hội đầu tư một số dự án tại Hà Nội, Nha Trang, Bình Dương...

### **2. CÁC DỰ ÁN NHIÊN LIỆU SINH HỌC**

#### **DỰ ÁN NHÀ MÁY BIO-ETHANOL TẠI PHÚ MỸ**

Nhà máy Bio-Ethanol phía Nam dự kiến được xây dựng trên khu đất 7ha tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 2, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Quy mô dự kiến của Nhà máy:

- Công suất Nhà máy : 75 triệu lít Ethanol nhiên liệu/năm.
- Nguyên liệu đầu vào : Sắt lát.
- Nhiên liệu : Khí thấp áp.
- Tổng mức đầu tư : 1.400 tỷ đồng.

Tổng Công ty đã hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi trong tháng 03/2008, đang tiến hành việc đánh giá tác động môi trường.

#### **DỰ ÁN NHÀ MÁY BIO-ETHANOL TẠI MIỀN TRUNG**

Nhà máy Bio-Ethanol Miền Trung được xây dựng trên khu đất 30ha tại Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi.

Quy mô dự kiến của Nhà máy:

- Công suất Nhà máy : 100 triệu lít Ethanol nhiên liệu/năm.
- Nguyên liệu đầu vào : Sắt lát khô.
- Tổng mức đầu tư : 1.600 tỷ đồng.

Tổng Công ty đang hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi cho dự án, lựa chọn đối tác đầu tư, đồng thời xúc tiến các thủ tục liên quan đến địa điểm xây dựng nhà máy tại Khu Kinh tế Dung Quất (Quảng Ngãi).

### **CÁC DỰ ÁN NHIÊN LIỆU SINH HỌC KHÁC:**

Tổng Công ty đã phối hợp với các cơ quan chức năng địa phương tiến hành đánh giá sơ bộ nguyên liệu vùng đồng bằng sông Cửu Long (tập trung tại các tỉnh An Giang, Hậu Giang và Cần Thơ) và hợp tác Superior Biotechnologies (Mỹ) trong việc nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Bio-ethanol từ bã trấu..

Tổng Công ty đang trong quá trình xác lập tiến độ công việc, đánh giá tiềm năng, chuẩn bị cho việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi từ tháng 7/2008.

Hiện nay, Tổng Công ty đang tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, phần đầu trong năm 2008 khởi động được ít nhất một dự án.

## **GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2008**

1. Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ để giữ vững thị trường hiện có; Đẩy mạnh công tác marketing để tìm kiếm khách hàng trong các khu công nghiệp trong và ngoài ngành đối với dịch vụ đời sống trên bờ (Cụ thể: cung cấp dịch vụ cho Nhà máy Lọc dầu số 1 tại Dung Quất và các cụm công nghiệp đầu khí khác như: Phú Mỹ; Bà Rịa-Vũng Tàu; Cà Mau ...); Tiếp tục hoàn thiện và đưa vào áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật trong hoạt động cung cấp dịch vụ đời sống.
2. Duy trì tốc độ phát triển của các loại hình kinh doanh thương mại và phân phối hiện có, tập trung vào công tác quản trị chi phí nhằm giảm thiểu chi phí bán hàng, qua đó tăng hiệu quả kinh tế của mảng kinh doanh này.
  - Nghiên cứu mở rộng các mặt hàng phân phối khác như: hàng hóa, trang thiết bị phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí; các sản phẩm lọc hoá dầu của Nhà máy lọc dầu số Dung Quất, phương án tiêu thụ cồn và các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất cồn tại thị trường trong nước, các mặt hàng công nghiệp khác...
  - Tập trung phát triển mảng kinh doanh nông sản làm cơ sở để đảm bảo khả năng cung cấp nguyên liệu đầu vào cho dự án nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học, khi nhà máy đi vào hoạt động.
  - Tiếp tục tìm kiếm địa điểm phù hợp để xây dựng hệ thống kho hàng phục vụ hoạt động kinh doanh.
3. Hoàn thiện Dự án đầu tư xây dựng cho 02 Nhà máy sản xuất Ethanol từ sắt lát tại miền Nam và miền Trung; nghiên cứu phương án nguyên liệu đầu vào đồng thời lựa chọn địa điểm và đối tác để triển khai xây dựng nhà máy.
4. Hoàn tất thủ tục xin thoả thuận quy hoạch kiến trúc, tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình cho dự án Petrosetco Tower làm cơ sở cho việc triển khai các giai đoạn tiếp theo của dự án. Lập phương án khai thác các khu đất của Tổng Công ty đang quản lý tại TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu và Quảng Ngãi.

5. Phát triển và nâng cao nguồn nhân lực, chú trọng vào đầu tư nhân sự đào tạo, thu hút nhân tài về làm việc tại Tổng Công ty.
6. Hoàn thiện bộ máy tổ chức, quy chế quản lý nội bộ và đầu tư nâng cao năng lực quản lý của Tổng Công ty.
7. Đẩy mạnh công tác Đảng, công tác Công đoàn, đoàn Thanh niên, phấn đấu tăng thu nhập cho người lao động, cải thiện đời sống làm việc để người lao động có sự gắn bó lâu dài với Petrosetco.

## CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH VỀ VỐN ĐẦU TƯ

### 1. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ HIỆN NAY

Sau khi cổ phần hóa, vốn chủ sở hữu hiện nay là 482,535 tỷ đồng, tương đương với 48.253.500 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/CP. Trong đó, Tập đoàn dầu khí chiếm giữ 51%, cổ đông khác là 49 %.

Vốn điều lệ đầu năm là 255,3 tỷ đồng, Tổng Công ty đã phát hành thêm 22.723.500 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo quyết định số 169/UBCK-GCN ngày 12/9/2007, tổng số tiền thu được 227.235.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn:

- Tài sản cố định : 200,260 tỷ đồng.
- Vốn lưu động : 55,270 tỷ đồng.
- Vốn phát hành cho các dự án : 227,235 tỷ đồng.

### 2. NHU CẦU VỀ VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2008

#### 2.1. Nhu cầu đầu tư vốn hoạt động và phát triển sản xuất năm 2008.

Nhu cầu đầu tư vốn cho mảng kinh doanh Nokia:

Căn cứ Phương án kinh doanh điện thoại di động Nokia đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt, tổng nhu cầu vốn cho phương án trong năm 2008 là 152,414 tỷ đồng.

Trong đó, có các chỉ tiêu kinh tế và cơ cấu vốn cụ thể như sau:

- Doanh thu kế hoạch : 2.640 tỷ đồng
- Lợi nhuận kế hoạch : 51 tỷ đồng

Nhu cầu vốn năm 2008 là : 152,414 tỷ đồng (1)

#### 2.2. Nhu cầu vốn đầu tư vào các dự án trọng điểm: 4.847,277 tỷ đồng.

Nhu cầu vốn cho các dự án bất động sản:

- Dự án Petrosetco : 60,786 tỷ đồng
- Các dự án khác : 54,300 tỷ đồng.

Tổng cộng : 115,086 tỷ đồng (2)

Nhu cầu vốn cho dự án nhà máy sản xuất Ethanol:

Tổng nhu cầu vốn dự kiến cho dự án là: 3.000 tỷ đồng

Tỷ lệ góp vốn dự kiến:

- + Petrosetco 51% : 1.530 tỷ đồng.
- + Đối tác 49% : 1.470 tỷ đồng

Trong đó: Năm 2008 cần : 268,431 tỷ đồng (3)

Tổng nhu cầu vốn trong năm 2008: (1) + (2) + (3): 535,931 tỷ đồng.

#### 2.3. Tổng nhu cầu vốn đầu tư cần huy động thêm năm 2008.

Tổng vốn đã phát hành hiện có sử dụng cho các dự án là 227,235 tỷ đồng.

Nhu cầu vốn năm 2008 là 535,931 tỷ đồng.

Do vốn vay bằng tiền VNĐ hiện nay lãi suất quá cao, do vậy huy động vốn bằng phát hành trái phiếu là hiệu quả cùng với các khoản thu nhập giữ lại từ Tổng Công ty để bổ sung vốn đầu tư thiếu 308,696 tỷ đồng.

### 3. GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG VỐN.

- Phát hành trái phiếu công trình
- Lãi giữ lại để tái đầu tư theo ND 187 đối với các doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hoá giữ lại số tiền được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp để tái đầu tư.

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Số: 320/Deloitte-AUDHCM-RE

KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) cho giai đoạn từ ngày 29 tháng 9 năm 2006 (ngày chuyển đổi) đến ngày 31 tháng 12 năm 2007. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 29 tháng 9 năm 2006 (ngày chuyển đổi) đến ngày 31 tháng 12 năm 2007, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM  
Ngày 31 tháng 3 năm 2008  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



**LÊ ĐÌNH TỬ**

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV



**PHẠM VĂN THỊNH**

Phó Tổng Giám đốc, kiêm

Phó Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ. 0028/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	GHI CHÚ	31/12/2007	29/9/2006 (Ghi chú 21)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>936.173.190.107</b>	<b>372.517.855.562</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		38.692.488.822	25.342.580.498
1. Tiền	111	4	38.692.488.822	25.342.580.498
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.518.537.059	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	16.518.537.059	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		342.882.953.101	284.440.221.715
1. Phải thu khách hàng	131		234.455.278.684	22.653.419.231
2. Trả trước cho người bán	132		101.578.044.213	73.120.626.531
3. Các khoản phải thu khác	135		6.972.074.521	188.666.175.953
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(122.444.317)	-
IV. Hàng tồn kho	140	6	501.886.109.724	43.667.571.464
1. Hàng tồn kho	141		502.055.899.561	43.667.571.464
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(169.789.837)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.193.101.401	19.067.481.885
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.166.298.164	1.364.579.133
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		33.280.566.203	14.746.620.442
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		163.643.702	157.860.877
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.582.593.332	2.798.421.433
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>240.740.105.698</b>	<b>168.027.855.013</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.444.494.394	930.870.763
1. Phải thu dài hạn khác	218		1.444.494.394	930.870.763
II. Tài sản cố định	220		235.546.398.525	156.361.993.525
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	101.620.391.644	44.255.110.609
- Nguyên giá	222		189.847.374.425	106.940.788.192
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88.226.982.781)	(62.685.677.583)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	102.607.178.451	101.052.053.192
- Nguyên giá	228		103.259.774.101	101.469.316.269
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(652.595.650)	(417.263.077)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	31.318.828.430	11.054.829.724
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	10.213.389.497
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	19	-	10.213.389.497
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.749.212.779	521.601.228
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.749.212.779	521.601.228
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.176.913.295.805</b>	<b>540.545.710.575</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	GHI CHÚ	31/12/2007	29/9/2006 (Ghi chú 21)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>635.764.571.856</b>	<b>274.059.178.650</b>
I. Nợ ngắn hạn	310		634.778.780.881	271.883.841.062
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	477.829.704.947	410.000.000
2. Phải trả người bán	312		76.080.087.297	19.995.288.582
3. Người mua trả tiền trước	313		6.015.957.898	25.386.546.684
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	28.532.903.692	2.072.365.210
5. Phải trả người lao động	315		26.408.216.438	13.828.060.682
6. Chi phí phải trả	316		5.215.409.434	998.520.166
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		14.696.501.175	209.193.059.738
II. Nợ dài hạn	330		985.790.975	2.175.337.588
1. Phải trả dài hạn khác	333		963.253.138	1.175.337.588
2. Vay và nợ dài hạn	334	12	-	1.000.000.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		22.537.837	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>13</b>	<b>541.148.723.949</b>	<b>266.486.531.925</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410		532.110.808.247	258.298.665.911
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		482.535.000.000	229.478.645.086
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		54.564.720	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.606.381.238	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.212.762.477	1.192.893.709
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	991.582.742
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	26.635.544.374
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		41.702.099.812	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		9.037.915.702	8.187.866.014
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		9.037.915.702	8.187.866.014
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.176.913.295.805</b>	<b>540.545.710.575</b>

*Me*

**LÊ KHIÊM**

Kế toán trưởng



**NGUYỄN HỮU THÀNH**

Tổng Giám đốc  
Ngày 31 tháng 3 năm 2008

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 29 tháng 9 năm 2006 (ngày chuyển đổi) đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	GHI CHÚ	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.719.516.524.204
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(24.179.029.459)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		2.695.337.494.745
4. Giá vốn hàng bán	11		(2.496.219.232.749)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		199.118.261.996
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	10.140.995.579
7. Chi phí tài chính	22	15	(20.815.108.824)
8. Chi phí bán hàng	24		(107.804.055.351)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(31.044.987.868)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		49.595.105.532
11. Thu nhập khác	31		3.676.936.833
12. Chi phí khác	32		(986.624.801)
13. Lợi nhuận khác	40		2.690.312.032
14. Lợi nhuận trước thuế	50		52.285.417.564
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	(157.792.799)
16. Lợi nhuận sau thuế	60		52.127.624.765
17. Lãi trên cổ phiếu	70	17	1.965

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho giai đoạn từ ngày 29 tháng 9 năm 2006 (ngày chuyển đổi) đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	52.285.417.564
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>		
Khấu hao tài sản cố định	02	11.960.332.171
Các khoản dự phòng	03	292.234.154
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	354.326.105
Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	7.465.227
Lãi tiền gửi	06	(5.057.800.765)
Chi phí lãi vay	07	18.132.372.257
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	77.974.346.713
Tăng các khoản phải thu	09	(77.297.802.634)
Tăng hàng tồn kho	10	(458.388.328.097)
Giảm các khoản phải trả	11	(105.780.665.168)
Tăng chi phí trả trước	12	(3.029.330.582)
Tiền lãi vay đã trả	13	(18.132.372.257)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.028.242)

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.539.218.950
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.947.306.330)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(584.075.267.647)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(71.130.685.625)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	(16.518.537.059)
3. Lãi tiền gửi đã thu	27	5.057.800.765
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(82.591.421.919)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	254.728.164.720
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(27.438.600.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.135.793.237.176
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.680.067.538.095)
5. Vốn hoàn trả về Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	35	(2.998.665.911)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	680.016.597.890
Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ	50	13.349.908.324
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	25.342.580.498
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	38.692.488.822

### THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC PHI TIỀN TỆ:

Như đã trình bày tại Ghi chú số 19 phần ghi chú báo cáo tài chính, trong kỳ, Tổng Công ty đã mua lại toàn bộ phần vốn góp của đối tác trong Công ty Liên doanh Petro Vietnam - Sông Trà, đồng thời sáp nhập công ty này vào Tổng Công ty. Nghiệp vụ sáp nhập này đã làm tăng tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn, công nợ phải trả lần lượt là 2.272.297.401 đồng, 15.028.283.808 đồng và 797.397.897 đồng; đồng thời làm khoản giảm đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết là 10.213.389.497 đồng. Các khoản này không liên quan đến dòng tiền lưu chuyển nên không được trình bày trong báo cáo trên đây.

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 11.290.410.587 đồng là giá trị tài sản cố định mua sắm trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần giảm các khoản phải trả.

*Me*

**LÊ KHIÊM**

Kế toán trưởng



**NGUYỄN HỮU THÀNH**

Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2008



# GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

## 1. THÔNG TIN CHUNG

### HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy phép điều chỉnh. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Petro Việt Nam”). Petro Việt Nam hiện đang sở hữu 51% vốn điều lệ của Tổng Công ty, các cổ đông khác nắm giữ 49% vốn điều lệ còn lại. Trong kỳ, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua quyết định chuyển đổi mô hình hoạt động Tổng công ty với tên gọi là Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí. Việc thay đổi này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 4103005338 ngày 15 tháng 8 năm 2007. Tuy nhiên, việc chuyển đổi các xí nghiệp trực thuộc thành các công ty thành viên độc lập được bắt đầu thực hiện trong năm 2008.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại 12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 1.319 người.

### HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ về sinh hoạt, đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí; kinh doanh điện thoại di động và các linh kiện dung cho điện thoại; xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, phương tiện vận tải, văn phòng; kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế, khách sạn, nhà ở; chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, hàng nông hải sản; mua bán máy móc thiết bị; làm đại lý mua bán hàng hóa, kinh doanh xăng dầu; sản xuất vỏ bình khí và xây dựng dân dụng và công nghiệp.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính và kết quả kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty dưới hình thức công ty cổ phần, giai đoạn từ ngày 29 tháng 9 năm 2006 (ngày chuyển đổi) đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 được coi là năm tài chính đầu tiên của Tổng Công ty.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kê toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### DỰ PHÒNG NỢ KHÓ ĐÒI

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ.

### TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, riêng dây chuyền sản xuất vỏ bình khí được tính khấu hao theo sản lượng sản xuất. Tỷ lệ khấu hao hàng kỳ cụ thể như sau:

	Tỷ lệ (%)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc thiết bị	14,2 - 20
Phương tiện vận tải	14,2 - 20
Dụng cụ quản lý	20 - 25
Tài sản cố định phúc lợi	0

### THUÊ TÀI SẢN

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

*Tổng Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu đề tạo ra doanh thu tư nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tổng Công ty là bên đi thuê*

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

# GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

## TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty bao gồm quyền sử dụng 22.000 m<sup>2</sup> đất thuộc khuôn viên Khách sạn Dầu khí Thanh Đa với thời gian sử dụng không xác định và quyền sử dụng 33.042 m<sup>2</sup> đất tại xã Hố Nai 3, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai trong 43 năm. Tài sản là quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất, phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 8 năm. Tài sản là quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không xác định không tính khấu hao.

## CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá trị ban đầu trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập đảm bảo khi các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sản xuất thử của dây chuyền sản xuất vô bình khí và các khoản chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai hoặc ba năm.

## GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo tỷ lệ dịch vụ cung cấp hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

## CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

## CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## CÁC QUỸ

Theo Điều lệ, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo tỷ lệ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 5% lợi nhuận sau thuế

Quỹ đầu tư phát triển : 10% lợi nhuận sau thuế

Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ : 5% lợi nhuận sau thuế

## 4. TIỀN

Đơn vị tính: Đồng

	31/12/2007	29/9/2006
Tiền mặt	3.323.994.809	1.999.637.054
Tiền gửi ngân hàng	35.368.494.013	23.342.943.444
	38.692.488.822	25.342.580.498

## 5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn thể hiện trị giá 227.700 cổ phiếu của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng giá thị trường của khoản đầu tư này cao hơn giá gốc, vì thế không cần thiết phải lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này.

# GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

## 6. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: Đồng

	31/12/2007	29/9/2006
Hàng mua đang đi đường	66.798.130.462	-
Nguyên liệu, vật liệu	18.199.741.055	816.922.668
Công cụ, dụng cụ	731.875.661	479.673.736
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.090.990.065	19.670.308.567
Thành phẩm	675.949.204	-
Hàng hoá	408.540.993.114	22.396.897.054
Hàng gửi đi bán	18.220.000	303.769.439
	502.055.899.561	43.667.571.464
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(169.789.837)	-
	501.886.109.724	43.667.571.464

## 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: Đồng

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định phúc lợi	CỘNG
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 29/9/2006	61.016.315.840	32.872.412.275	9.752.814.942	1.280.385.468	1.280.385.468	106.940.788.192
Tăng trong năm	554.837.366	645.774.585	1.134.806.885	692.737.356	692.737.356	3.028.156.192
Đầu tư XD cơ bản hoàn thành	8.781.391.085	40.720.951.147	875.818.539	710.528.895	710.528.895	51.088.689.666
Tăng khác	23.948.940.843	4.338.153.479	450.728.759	64.280.930	64.280.930	28.802.104.011
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(12.363.636)	(12.363.636)	(12.363.636)
Tại ngày 31/12/2007	94.301.485.134	78.577.291.486	12.214.169.125	2.735.569.013	2.735.569.013	189.847.374.425
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 29/9/2006	(31.424.399.059)	(23.718.525.820)	(6.757.964.842)	(784.787.862)	(784.787.862)	(62.685.677.583)
Trích khấu hao trong kỳ	(5.293.520.166)	(4.517.849.328)	(1.508.527.377)	(415.769.399)	(415.769.399)	(11.735.666.270)
Tăng khác	(10.535.151.527)	(3.097.482.864)	(149.167.476)	(28.735.470)	(28.735.470)	(13.810.537.337)
Giảm do thanh lý	-	-	-	4.898.409	4.898.409	4.898.409
Tại ngày 31/12/2007	(47.253.070.752)	(31.333.858.012)	(8.415.659.695)	(1.224.394.322)	(1.224.394.322)	(88.226.982.781)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2007	47.048.414.382	47.243.433.474	3.798.509.430	1.511.174.691	1.511.174.691	101.620.391.644
Tại ngày 29/9/2006	29.591.916.781	9.153.886.455	2.994.850.100	495.597.606	495.597.606	44.255.110.609

Tăng khác phát sinh từ nghiệp vụ sát nhập Công ty Liên doanh Petro Việt Nam - Sông Trà như đã nêu tại Ghi chú số 19. Tài sản cố định bao gồm cả một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 26.915.028.182 đồng và một số tài sản đang chờ thanh lý với giá trị còn lại là 993.568.604 đồng.

## 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: Đồng

NGUYÊN GIÁ	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Tại ngày 29/9/2006			
Tăng trong kỳ	101.337.309.381	132.006.888	101.469.316.269
Tăng khác	1.309.632.000	440.825.832	1.750.457.832
Tại ngày 31/12/2007	-	40.000.000	40.000.000
	102.646.941.381	612.832.720	103.259.774.101
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 29/9/2006			
Trích khấu hao trong kỳ	(389.871.644)	(27.391.433)	(417.263.077)
Tăng khác	(194.258.709)	(30.407.192)	(224.665.901)
Tại ngày 31/12/2007	-	(10.666.672)	(10.666.672)
	(584.130.353)	(68.465.297)	(652.595.650)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2007	102.062.811.028	544.367.423	102.607.178.451
Tại ngày 29/9/2006	100.947.437.737	104.615.455	101.052.053.192

Tăng khác thể hiện nghiệp vụ sát nhập Công ty Liên doanh Petro Việt Nam - Sông Trà như đã nêu tại Ghi chú số 19.

## 9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Đơn vị tính: Đồng

	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
Số dư đầu kỳ	11.054.829.724
Tăng trong kỳ	79.740.779.616
Kết chuyển sang tài sản cố định	(51.088.689.666)
Ghi nhận vào chi phí trong kỳ	(8.388.091.244)
Số dư cuối kỳ	31.318.828.430

Chiếm phần chủ yếu trong chi phí xây dựng cơ bản dở dang cuối kỳ là quyền thuê lại khu đất 7 ha cùng tài sản vật kiến trúc gắn liền với khu đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí chuyển nhượng lại cho Tổng Công ty theo Hợp đồng số 83/HĐ/PVConstruction-Petrosetco/2007 ký ngày 17 tháng 12 năm 2007. Tổng giá trị hợp đồng cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

	Số tiền
Tài sản vật kiến trúc	26.155.791.566
Tiền thuê đất tính đến 31 tháng 12 năm 2007	2.523.749.434
Trang thiết bị văn phòng	48.800.000
	28.728.341.000

# GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

## 10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: Đồng

	31/12/2007	29/9/2006
Vay từ Petro Việt Nam	86,451,410,178	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Chinatrust	9.400.000.000	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	192.130.881.489	-
Vay ngắn hạn Công ty Tài chính Dầu Khí	189.847.413.280	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	410.000.000
	477,829,704,947	410.000.000

Khoản vay Petro Việt Nam thể hiện số dư khoản thấu chi trên tài khoản trung tâm tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam của Petro Việt Nam. Khoản thấu chi này có hạn mức tín dụng không kỳ hạn là 35.000.000.000 đồng và có kỳ hạn là 50.000.000.000 đồng (hạn mức thấu chi có kỳ hạn được áp dụng từ ngày 15 tháng 5 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007). Khoản thấu chi này chịu lãi suất lãi tiền vay một năm bằng 4,8%. Vào ngày 24 tháng 10 năm 2007, Petro Việt Nam đã đồng ý tăng hạn mức thấu chi có kỳ hạn áp dụng cho Tổng Công ty lên đến 200.000.000.000 đồng với lãi suất lãi tiền vay một năm là 4,8% theo Quyết định số 63446/DKVN-TCTT ngày 24 tháng 10 năm 2007. Theo đó, từ ngày 1 tháng 11 năm 2007 đến 30 tháng 6 năm 2008, hạn mức thấu chi có kỳ hạn mới của Tổng Công ty là 200.000.000.000 đồng.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Chinatrust là khoản tín dụng dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành thư tín dụng với hạn mức là 3.000.000 đô la Mỹ. Khoản vay này được tin chấp và chịu lãi suất lãi tiền vay một năm bằng lãi suất SIBOR áp dụng cho giai đoạn tính lãi cộng 1,75% hoặc lãi suất huy động vốn cộng 1,75%. Thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam có hạn mức 300.000.000.000 đồng cho mục đích bổ sung vốn lưu động và sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 4 năm 2008. Khoản vay này không có đảm bảo và có thể giải ngân bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ. Lãi suất được xác định theo lãi suất do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân.

Khoản vay ngắn hạn Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng và sẽ đáo hạn vào ngày 23 tháng 5 năm 2008. Khoản vay này có thể giải ngân bằng đồng Việt Nam hoặc đô la Mỹ. Khoản vay này được tin chấp và chịu lãi suất lãi tiền vay một năm bằng lãi suất SIBOR 6 tháng cộng 2 % đối với khoản giải ngân bằng đô la Mỹ và 0,85% một tháng đối với khoản giải ngân bằng đồng Việt Nam.

## 11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: Đồng

	31/12/2007	29/9/2006
Thuế giá trị gia tăng	15,919,004,713	1.651.536.921
Thuế tiêu thụ đặc biệt	51.193.444	21.203.918
Thuế xuất nhập khẩu	12.058.523.508	(49.130.336)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	144.764.557	179.536.383
Thuế nhà đất	-	56.851.500
Các loại thuế khác	359,417,470	212.366.824
	28,532,903,692	2.072.365.210

## 12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay và nợ dài hạn đầu kỳ thể hiện hai khoản vay từ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh với số tiền vay lần lượt là 2.989.000.000 đồng và 2.520.880.527 đồng nhằm tài trợ cho dự án Đầu tư xây dựng cơ sở dịch vụ đời sống tại Quảng Ngãi và dự án Đầu tư xây dựng kinh doanh dịch vụ khu bờ sông Thanh Đa. Các khoản vay này được tin chấp và chịu lãi suất hàng tháng bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng của Ngân hàng cộng 0,1%. Các khoản vay có thời hạn vay là 4 năm và được hoàn trả đều hàng quý bắt đầu từ năm 2004 và đến ngày 30 tháng 10 năm 2007. Trong kỳ, các khoản vay này đã được hoàn trả toàn bộ.

## 13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: Đồng

Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	55.530.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	48.253.500
Số lượng cổ phiếu được phép mua lại	284.280
Số lượng cổ phiếu được phép bán ra	284.280
Số lượng cổ phiếu đã phát hành nhưng chưa lưu hành	22.723.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31/12/2007	25.530.000

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Theo Quyết định số 169/UBCK-GCN ngày 12 tháng 9 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Công ty được phép phát hành bổ sung 30.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phiếu, nhằm mục đích tăng vốn điều lệ. Việc chào bán cổ phiếu sẽ được thực hiện theo phương thức là chào bán 22.723.500 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, 1.276.500 cổ phiếu dùng cho chương trình thu hút nhân tài và 6.000.000 cổ phiếu còn lại sẽ được bán ra công chúng theo hình thức đấu giá. Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện chào bán 22.723.500 cổ phiếu phổ thông với tổng mệnh giá là 227.235.000.000 đồng cho các cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu này đã được các cổ đông nộp tiền trong tháng 12 năm 2007 và đã được niêm yết bổ sung vào tháng 1 năm 2008 theo Quyết định số 11/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 1 năm 2008 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu và các quỹ trong kỳ như sau:

Đơn vị tính: Đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (1)	Thặng dư vốn cổ phần (2)	Vốn khác của chủ sở hữu (3)	Cổ phiếu quỹ (4)	Quỹ đầu tư phát triển (5)
Tại ngày 29/9/2006	229.478.645.086	-	-	-	1.192.893.709
Tăng trong kỳ	256.055.020.825	54.564.720	2.606.381.238	27.438.600.000	5.212.762.477
Petro Việt Nam cấp	-	-	-	-	-
Pháp hành thêm cổ phiếu	227.235.000.000	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-
Phân phối quỹ	-	-	2.606.381.238	-	5.212.762.477
Điều chỉnh vốn góp cổ phần	28.820.020.825	-	-	-	-
Bán lại cổ phiếu quỹ	-	54.564.720	-	27.438.600.000	-
Giảm trong kỳ	(2.998.665.911)	-	-	(27.438.600.000)	(1.192.893.709)
Chuyển trả Petro Việt Nam	(2.998.665.911)	-	-	-	-
Điều chỉnh vốn góp cổ phần	-	-	-	-	(1.192.893.709)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu	-	-	-	(27.438.600.000)	-
Chỉ tiêu theo quy định	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2007	482.535.000.000	54.564.720	2.606.381.238	-	5.212.762.477

# GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: Đồng

	Quỹ dự phòng tài chính (6)	Quỹ khen thưởng phúc lợi (7)	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (8)	Lợi nhuận chưa phân phối (9)	Tổng cộng (1)+...+(9)
Tại ngày 29/9/2006	991.582.742	8.187.866.014	26.635.544.374	-	266.486.531.925
Tăng trong kỳ	-	4.355.032.488	-	52.127.624.765	347.849.986.513
Petro Việt Nam cấp	-	1.748.651.250	-	-	1.748.651.250
Pháp hành thêm cổ phiếu	-	-	-	-	227.235.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	52.127.624.765	52.127.624.765
Phân phối quỹ	-	2.606.381.238	-	-	10.425.524.953
Điều chỉnh vốn góp cổ phần	-	-	-	-	28.820.020.825
Bán lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	27.493.164.720
Giảm trong kỳ	(991.582.742)	(3.504.982.800)	(26.635.544.374)	(10.425.524.953)	(73.187.794.489)
Chuyển trả Petro Việt Nam	-	-	-	-	(2.998.665.911)
Điều chỉnh vốn góp cổ phần	(991.582.742)	-	(26.635.544.374)	-	(28.820.020.825)
Trích lập quỹ	-	-	-	(10.425.524.953)	(10.425.524.953)
Mua lại cổ phiếu	-	-	-	-	(27.438.600.000)
Chi tiêu theo quy định	-	(3.504.982.800)	-	-	(3.504.982.800)
Tại ngày 31/12/2007	-	9.037.915.702	-	41.702.099.812	541.148.723.949

Toàn bộ số dư tại ngày 29 tháng 9 năm 2006 của các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí được chuyển sang thành vốn góp cổ phần của Nhà nước mà Petro Việt Nam là người đại diện, theo Quyết định số 2660/QĐ-BCN ngày 1 tháng 8 năm 2007 của Bộ Công Thương.

Trong kỳ, Tổng Công ty đã mua lại 284.280 cổ phiếu của Công ty với giá trị là 27.438.600.000 đồng theo Tờ trình ngày 24 tháng 1 năm 2007 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty và phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 6 tháng 2 năm 2007 nhằm mục đích làm cổ phiếu quỹ. Số lượng cổ phiếu quỹ này cũng đã được Tổng Công ty bán lại ra công chúng từ ngày 11 tháng 10 năm 2007 đến ngày 24 tháng 10 năm 2007.

Trong kỳ, Tổng Công ty đã thực hiện trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ với tỷ lệ lần lượt là 5%, 10% và 5% trên lợi nhuận sau thuế với tổng giá trị là 10.425.524.953 đồng.

## 14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng

	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
Lãi tiền gửi	5.057.800.765
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.965.193.600
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	89.998.140
Doanh thu hoạt động tài chính khác	28.003.074
	10.140.995.579

## 15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng

	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
Chi phí lãi vay	18.132.372.257
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.824.403.991
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	444.684.245
Chi phí tài chính khác	413.648.331
	20.815.108.824

## 16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Đơn vị tính: Đồng

	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
Lợi nhuận trước thuế	52.285.417.564
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	(3.069.665.605)
Thu nhập được miễn thuế trong kỳ	(48.652.206.247)
Thu nhập chịu thuế trong kỳ	563.545.712
Thuế suất	28%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	157.792.799
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	157.792.799

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được miễn 50% trong ba năm tiếp theo. Ban Giám đốc Tổng Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2007. Do vậy, Tổng Công ty đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập chịu thuế phát sinh trong giai đoạn từ ngày 29 tháng 9 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006 với thuế suất 28%.

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

## 17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được tạm tính trong kỳ trên cơ sở các số liệu sau:

Đơn vị tính: Đồng

Lợi nhuận thuần sau thuế	52.127.624.765 đồng
Trừ: Thu nhập từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	89.998.140 đồng
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	52.037.626.625 đồng
Cổ phiếu bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ	26.486.322 cổ phiếu
Lãi trên cổ phiếu	1.965 đồng/cổ phiếu

## 18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Đơn vị tính: Đồng

	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
Doanh thu	63.195.375.233
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	171.280.001.454
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	
Vay vốn	
Petro Việt Nam - nhận nợ vay	1.124.237.235.314
Petro Việt Nam - hoàn trả nợ vay	(733.037.208.962)
Đơn vị thành viên PetroViệt Nam	189.847.413.280
Khác	
Petro Việt Nam cấp vốn và quỹ	1.748.651.250
Chuyển nộp Petro Việt Nam	2.998.665.911
Chi tiền mua lại Công ty Liên doanh Petro Việt Nam - Sông Trà	7.000.000.000

# GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thu nhập của Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

Đơn vị tính: Đồng

	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
Lương	1.469.055.391
Tiền thưởng	959.531.749
Các khoản phúc lợi khác	6.000.000
	2.434.587.140

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

	31/12/2007
<b>Phải thu</b>	<b>19.457.284.223</b>
Phải thu từ các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	8.816.106.776
Phải thu từ các công ty liên doanh/liên doanh điều hành của Petro Việt Nam	
<b>Phải trả</b>	
Phải trả khác PetroViệt Nam	86.451.410.178
Phải trả thương mại các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	14.958.015.447
<b>Vay và lãi phải trả</b>	
Vốn vay phải trả các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	189.847.413.280
Lãi vay phải trả các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	5.104.769.112

## 19. SÁP NHẬP

Vào ngày 1 tháng 1 năm 2007, Tổng Công ty đã mua lại toàn bộ phần vốn góp của đối tác trong Công ty Liên doanh Petro Việt Nam - Sông Trà, khi đó Tổng Công ty đang sở hữu 66% vốn pháp định, với giá mua là 7 tỷ đồng. Nghiệp vụ sáp nhập này đã được thực hiện theo giá trị sổ sách như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Giá trị tài sản thuần sáp nhập:	
Tài sản cố định	28.802.104.011
Khấu hao lũy kế tài sản cố định	(13.810.537.337)
Tài sản cố định vô hình	40.000.000
Khấu hao lũy kế của tài sản cố định vô hình	(10.666.671)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.383.805
Hàng tồn kho	182.221.876
Các khoản phải thu	1.726.138.284
Tài sản lưu động khác	363.937.241
Tiền và các khoản tương đương tiền	710.206.184
Các khoản phải trả	(797.397.897)
	17.213.389.496

## 20. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Tổng Công ty cùng Tổng Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đã ký một hợp đồng hợp tác kinh doanh để thành lập Nhà máy sản xuất bình khí để sản xuất và kinh doanh vỏ bình khí, trong đó Tổng Công ty là Nhà điều hành và góp 60% vốn. Số liệu báo cáo về tài sản, công nợ, tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như doanh thu, giá vốn và chi phí hoạt động trong kỳ của Nhà máy sản xuất bình khí đã được Tổng Công ty ghi nhận với tỉ lệ 60%, tương ứng với phần vốn góp của Tổng Công ty trong hợp đồng hợp tác kinh doanh, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Tài sản và công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	
Tài sản cố định	45.456.706.627
Khấu hao lũy kế tài sản cố định	(2.165.899.718)
Tài sản dài hạn khác	749.305.182
Hàng tồn kho	21.094.857.497
Các khoản phải thu	16.787.952.522
Tài sản lưu động khác	216.792.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.535.097.988
Các khoản phải trả	(34.129.741.631)
	<b>50.545.070.467</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ từ ngày 29/09/2006 đến ngày 31/12/2007</b>	
Doanh thu	69.276.227.956
Giá vốn	(67.422.615.520)
Chi phí hoạt động	(2.669.089.347)
Lỗ	(815.476.911)

## 21. SỐ ĐẦU KỲ

Số dư đầu kỳ thể hiện số dư trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí tại ngày 28 tháng 9 năm 2006 cho mục đích quyết toán cổ phần hóa. Các số dư này được trình bày trên bảng cân đối kế toán nhằm thuận lợi cho việc hiểu rõ hơn nghiệp vụ chuyển đổi cổ phần hoá từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 29 tháng 9 năm 2006 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2007. Đây là báo cáo tài chính đầu tiên của Tổng Công ty, do đó không có số liệu so sánh.